

VĂN HỌC CỔ DIỄN

DÔNG A CLASSICS



HENRYK SIEJKIEWICZ

QUO VADIS

QUO VADIS

GIẢI NOBEL VĂN HỌC 1905

— Nguyễn Hữu Dũng dịch —



QUO
VADIS



HENRYK SIENKIEWICZ

Dịch từ nguyên bản tiếng Ba Lan.

Xuất bản theo thỏa thuận sử dụng bản dịch giữa Đông A và Nhà xuất bản Văn học
đại diện cho dịch giả, 2019.

Minh họa: Adriano Minardi và Charles Jouas.

Tác quyền đã được bảo hộ. Không được tái bản, sử dụng hay lưu truyền dưới bất kỳ hình thức
hay bằng bất cứ phương tiện nào từ điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm cho đến các hình thức
khác khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của người nắm giữ tác quyền.

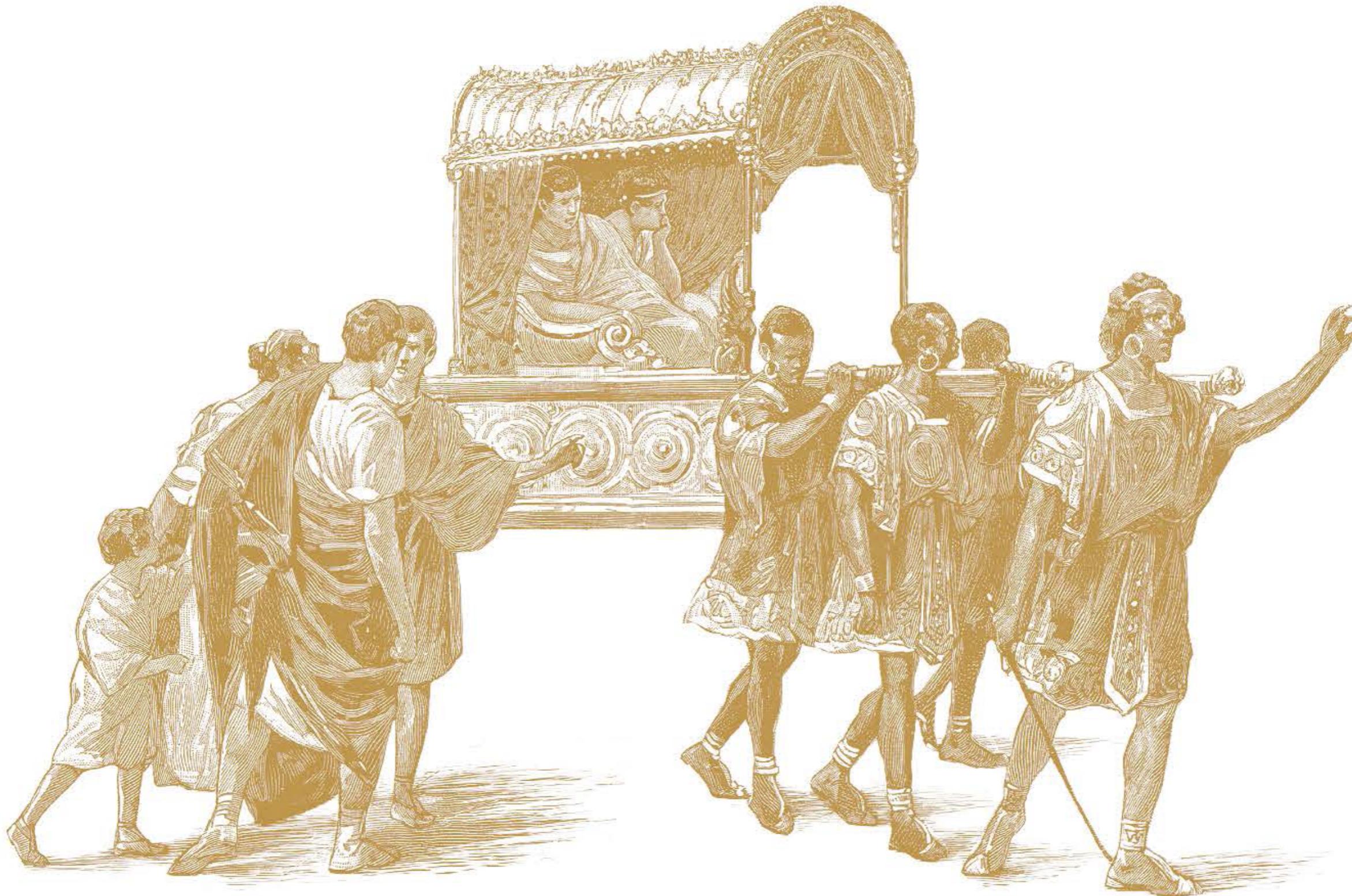
HENRYK SIENKIEWICZ

QUO VADIS

TIỂU THUYẾT VỀ THỜI NERO

GIẢI NOBEL VĂN HỌC 1905

– NGUYỄN HỮU DŨNG *dịch* –





Trong lần in này, ngoài những bản phổ thông (bìa cứng và bìa mềm) có ruột in 2 màu trên giấy GV76-BB định lượng 70 gsm, Đông A còn ấn hành:

- I. 500 bản bìa cứng, ruột in trên giấy GV76-BB định lượng 100 gsm, đánh số nhảy DA 001 đến DA 500.
- II. 105 bản bìa cứng làm thủ công, trong đó bao gồm 5 bản ký hiệu lần lượt Đ, Ô, N, G, A và 100 bản đánh số từ DA - 001 đến DA - 100, ruột in trên giấy mỹ thuật Conqueror High White Laid 120 gsm.

Cả 2 loại ấn bản trên (I và II) đều được mạ cạnh sách bằng nhũ vàng và đóng dấu đỏ của Đông A dành cho người sưu tầm và chơi sách.

Bản:

Cửa:

LỜI GIỚI THIỆU

Thành Roma, thế kỷ đầu kỷ nguyên Tây lịch, kinh đô của đế quốc lẫy lừng nhất lịch sử. Vào giai đoạn đỉnh điểm, một phần ba dân số thế giới sống trong lãnh thổ La Mã. Các chiến đoàn La Mã đóng quân trải khắp Á-Âu-Phi, và mọi sắc dân thế giới đương thời biết tới đều tề tựu ở Roma. Một kiểu tháp Babel trong Kinh Thánh. Ở trên đỉnh ngọn tháp đó là Hoàng đế La Mã, với thứ quyền lực không có mấy người phàm từng mơ tới.

Và cơn ác mộng của La Mã cũng chính là Hoàng đế của nó, Nero.

Nero vốn không phải vị bạo chúa duy nhất La Mã từng biết tới. Sau khi Julius Caesar chấm dứt nền cộng hòa của La Mã và thiết lập đế chính độc tài, "Caesar" đã trở thành tước vị phong cho những vị Hoàng đế của La Mã. Lê thường, không phải ai cũng đủ chính trực và tinh táo để sử dụng thứ quyền lực tối thượng được trao vào tay mình một cách đúng đắn. Trước Nero, La Mã đã biết tới Caligula. Trớ trêu thay, dấu vết sau tên tuổi ông gắn liền với hình ảnh một bạo chúa tàn độc vô luân, sinh thời Caligula lại khá được lòng dân chúng La Mã. Trường hợp của Nero ít nhiều có nét tương đồng khi hình ảnh ông đã in lại trong lịch sử và văn hóa, trong ký ức của nhân loại là một nhà thơ-bạo chúa, một sự kết hợp đặc biệt nhưng không hề hiếm hoi giữa tham vọng quyền lực, sự sa đọa, giấc mơ vĩ cuồng và một nội tâm méo mó, nhưng lại được người Roma yêu mến vì đã tổ chức nhiều cuộc vui cho công chúng. Ít nhất đó là cách Henryk Sienkiewics đã khắc họa ông trong cuốn sách bạn đang cầm trên tay, tham khảo không ít từ nguồn sử liệu của hàng loạt sử gia như Tacitus, Suetonius, Juvenal, Martial, Petronius...

Một Nero bạo chúa lên ngôi nhờ những âm mưu của người mẹ Agrippina, và khi thấy uy quyền của mình bị ngáng đường hoặc đe dọa, ông sẵn sàng ra lệnh ám sát cả mẹ, vợ và em trai. Nhưng cũng

có một Nero yêu thi ca, thích được tán tụng như một nghệ sĩ vĩ đại nhất lịch sử còn hơn cả sự thần phục dành cho vị chúa tể trên toàn cõi thế gian. Hôm nay là yến tiệc cuồng hoan, thì ngày mai đã là chén rượu độc cho bất cứ ai làm Hoàng đế nghịch ý đêm trước chỉ vì không thốt ra một lời tán dương đúng lúc. Một lời đơm đặt vô căn cứ về ai đó lọt tai Hoàng đế đều có thể dẫn tới án tử cho người đó, đơn giản vì Hoàng đế đã quen và tìm thấy lạc thú trong việc đem đến bất hạnh cho kẻ khác, như khi ngài thường thức tiếng da thịt cháy của những tội nhân bị đem ra làm đuốc sống thấp sáng khu vườn đêm dạ yến. Ở bên Nero, người ta phải giả lả, nịnh bợ, thác loạn cùng Hoàng đế trong những trò vui ngài bày ra, một phần để được sống đến ngày mai, một phần cũng vì dưới bầu không khí khủng bố ngọt ngạt như thế, người ta cứ sống mà không muốn biết tới ngài mai. Tất cả những đồi bại đó trở thành chuyện bình thường trong cái thời được hậu thế gọi là Thái bình La Mã.

Nếu cái tên Nero thực sự có nổi bật hơn các vị bạo chúa khác trong lịch sử phương Tây, thì hẳn là vì nó gắn liền với vụ đại hỏa hoạn thành Roma năm 64 Công nguyên, mà nhiều ý kiến cho rằng là cái cao trào trong sự điên cuồng của vị Hoàng đế. Đó là tiền đề để Sienkiewicz xây dựng câu chuyện trong *Quo vadis*, dường như nhằm vẽ nên bức chân dung hoàn hảo của Nero bạo chúa. Thậm chí trong lần xuất bản đầu tiên, tác phẩm còn có tiêu đề phụ là "Tiểu thuyết về thời Nero". Nhưng dự phỏng của Sienkiewicz không thuần túy là viết ra một tiểu thuyết lịch sử để thử lý giải những uẩn khúc đã phai mờ theo thời gian, không nhằm tái hiện ôm đodom một thời kỳ lịch sử sinh động của phương Tây dưới ách cai trị của "Dã Thú".

Cảm hứng đầu tiên để Sienkiewicz chấp bút đến từ những trang viết của Tacitus và lần ông ghé thăm một nhà thờ nhỏ mang tên Domine Quo Vadis gần cổng Porta Appia, thành Roma. Cái tên ngôi nhà thờ này gợi đến một tích Thiên chúa giáo kể lại chuyện Thánh Peter trên đường rời Roma để trốn tránh cuộc bách hại dân Thiên chúa đã gặp một thị kiến, xảy ra trên chính địa điểm ngôi nhà thờ ấy nay tọa lạc. Tôn giáo mới là chủ đề chính của cuốn tiểu thuyết. Tác giả đã vẽ nên một bức tranh về thời kỳ sơ khai của Thiên chúa giáo, mấy chục năm sau ngày Chúa Jesus bị đóng đinh trên thập ác, suốt thời gian ấy các Sứ Đồ đã đi khắp nơi truyền giảng về tình

yêu của Chúa, giúp giáo dân giữ vững đức tin trước những kỳ thị dành cho họ trong một thế giới mà La Mã đã thàn giáo thống trị, cũng như trước những gì sẽ xảy đến với họ sau trận hỏa tai thành Roma. Để khắc họa câu chuyện một cách chi tiết, tác giả bó hẹp bối cảnh chủ yếu ở Roma – thành phố vĩnh cửu, đô thành tội ác của Nero, nhưng cũng là nơi ông Peter sẽ dựng nên vương quốc của Thiên chúa. Nhiều nhân vật trong truyện là có thật, hiện lên sống động qua ngòi bút của văn hào: Nero độc ác nhưng đón hèn, Tigellinus xu nịnh mà gian hùng, ông Petronius thông tuệ và hào hoa... Diễn biến chính của truyện xoay quanh mối tình giữa hai nhân vật: chàng hộ dân quan trẻ tuổi Vinicius và nàng Lygia, công chúa người Lugii. Chặng đường tìm lại Lygia của Vinicius cũng là quá trình cải biến nhân phẩm và tâm linh của chàng, rũ bỏ con người La Mã khắc nghiệt hung bạo trong quá khứ để hướng về tình yêu và điều thiện. Nếu như ông Petronius đại diện cho những giá trị tốt đẹp còn sót lại của La Mã trong thời đại Nero, thì Vinicius là hiện thân của hy vọng vào tương lai, khi cơn ác mộng bạo chúa qua đi và các thế hệ sau xây dựng nên một thế giới tốt lành hơn dựa trên hạt mầm đã được gieo chính vào những thời khắc ác nghiệt tăm tối nhất. Lửa đã thiêu trụi Roma như nó đã từng giáng xuống Sodom và Gomorra tội lỗi, bất kể liệu cái thành đô vĩnh cửu của La Mã có xứng đáng với điều ấy không. Chính ở đây, giá trị tác phẩm *Quo vadis* của Sienkiewicz đã vượt trên tầm một tiểu thuyết lịch sử. Sau rốt, cái nó đi tìm không phải là một sự thật lịch sử nào, mà nó cho ta thấy cụ thể con đường những linh hồn đau khổ phải đi qua để tuyên xưng đức tin, để theo đuổi cái thiện, tình yêu và hy vọng, để sống tốt lành và chết ngay thẳng; như ông Petronius đã nói, một người La Mã biết cách sống và chết. Sau rốt, cái nó ca ngợi, đó là chiến thắng của đức tin, tình yêu, điều thiện và cái đẹp trước sự nghiệt ngã của lịch sử, hay mọi thế lực đàn áp bạo tàn nào. Có thể nói đây là chân giá trị của *Quo vadis*.

Hoàn thành năm 1896, *Quo vadis* đã đem lại cho Henryk Sienkiewicz giải Nobel Văn học năm 1905 ("vì những thành tựu của ông trong thể loại tiểu thuyết lịch sử"). Tác phẩm đã được chuyển thể lên sân khấu và màn ảnh rộng nhiều lần – trong đó phiên bản điện ảnh năm 1951 được đề cử Oscar – và được dịch sang ít nhất hơn bốn mươi ngôn ngữ trên khắp thế giới. Ở Việt Nam,

từ năm 1985, *Quo vadis* đã ra mắt độc giả qua bản dịch công phu tài hoa của dịch giả Nguyễn Hữu Dũng, người đã dành nhiều tâm huyết để đưa văn học Ba Lan nói chung và Henryk Sienkiewicz nói riêng đến với đông đảo bạn đọc Việt Nam. Ở lần tái bản này, ngoài việc dựa theo nội dung trong bản in đầu năm 1985 của NXB Văn học, Đông A còn đổi chiêu thêm với bản tiếng Anh của Jeremiah Curtin để tham khảo biên tập. Phần minh họa gồm có tranh của Charles Jouas (từ bản tiếng Pháp của F. Juven) và Adriano Minardi (từ bản tiếng Ý của Fratelli Treves năm 1901), bỏ qua những điểm chưa chính xác, đồng nhất về nhân vật và cảnh trí, mong rằng sẽ giúp độc giả dễ dàng hình dung câu chuyện qua góc nhìn của các họa sĩ. Những tên riêng được phiên âm trong lần in đầu tiên nay được chuyển về dạng nguyên gốc hoặc biến thể quen thuộc nhất với phần lớn độc giả thế giới. Do đặc thù rằng một số nhân danh Latin trong nguyên bản được tác giả viết dưới dạng Slav hóa của tên đó (như "Marcus" thành "Marek"), nay chúng tôi xin được chuyển về dạng Latin hoặc Hy Lạp tùy theo bối cảnh và xuất thân nhân vật, ngõ hầu gợi lên phong vị Latin phù hợp nhất với không khí chung của câu chuyện.

Với những điều trên, hy vọng rằng nếu ai có dịp ghé thăm ngôi nhà thờ nhỏ nọ, hẳn sẽ thấy qua dòng chữ "*Quo vadis, Domine?*"¹" nay đã nhạt nhòa, lời ông Peter năm xưa đã nức nở thốt lên trong cơn xúc động, và nghe văng vẳng trong tâm tư một giọng nói linh thánh trả lời: "*Romam eo iterum crucifigi*".²"

Sài Gòn, ngày 5 tháng 1 năm 2020

LÊ NGỌC TÂN

1. Tiếng Latin: "Người đi đâu vậy, thưa Đức Chúa?" (Đông A – Đ.A).

2. Tiếng Latin: "Ta vào Roma để chịu đóng đinh lần thứ hai" (Đ.A).

LỜI NÓI ĐẦU CỦA DỊCH GIẢ

Henryk Sienkiewicz là một trong những văn hào lớn nhất của nhân dân Ba Lan. Sáng tác của ông có một vị trí đặc biệt trong lịch sử văn hóa Ba Lan, đồng thời được đánh giá rất cao trên văn đàn thế giới. Với tiểu thuyết *Quo vadis*, ông được tặng giải Nobel về văn học năm 1905.

H. Sienkiewicz sinh ngày 5/5/1846 tại Wola Okrzeska miền Podlasie trong một gia đình quý tộc đã bị sa sút. Vào những năm 1866–1869, ông theo học các khoa luật học, y học rồi văn học tại Trường Chính (nay là trường Đại học Tổng hợp Warsaw).

Bước vào nghề làm báo từ năm 1869 bằng những tiểu luận và phê bình sân khấu, Sienkiewicz bắt đầu được chú ý đến như một cây bút có triển vọng với truyện *Phí hoài* (1872). Trong những truyện ngắn tiếp theo, ông mô tả một cách sắc nét sự tàn tạ của lối sống phong kiến gia trưởng (*Người đầy tớ già* – 1875, *Hania* – 1876). Thời kỳ 1876–1882, ông đi rất nhiều nơi ở châu Âu, châu Mỹ, và cho đăng *Những bức thư từ các chuyến đi* (1876–1878) cùng hàng loạt truyện ngắn và truyện vừa rất xuất sắc, trong đó nổi bật lên vấn đề thân phận người nông dân.

Năm 1892 đánh dấu một bước ngoặt trong sáng tác của H. Sienkiewicz: từ lĩnh vực truyện ngắn và truyện vừa, ông bước sang miền đất mới của các tiểu thuyết lịch sử. Ông cho ra đời bộ ba tiểu thuyết lịch sử viết về những cuộc chiến tranh diễn ra ở Ba Lan hồi thế kỷ 17: *Bằng lửa và gươm* (1883–1884), *Trận hồng thủy* (1884–1886), *Ngài Wolodyjowski* (1887–1888). Mang đậm chủ nghĩa yêu nước, tiểu thuyết bộ ba này là một đỉnh cao chói lọi trong sự nghiệp sáng tác của Sienkiewicz, là một tuyệt phẩm trong kho tàng văn học Ba Lan.

Tiếp theo, Sienkiewicz hoàn thành hai tiểu thuyết tâm lý xã hội: *Phi giáo lý* (1889–1890) và *Gia đình Polaniecki*, trong đó ông phê phán giới quý tộc đang suy đồi.

Đề tài tiểu thuyết lịch sử *Quo vadis* (1895–1896) là cuộc khủng bố các tín đồ Thiên chúa giáo thời Nero bạo chúa ở Cổ La Mã.

Tiểu thuyết lịch sử *Hiệp sĩ Thánh chiến* (1897–1900) miêu tả cuộc chiến tranh giữ nước hồi thế kỷ 15 với trận đại thắng Grunwald lẫy lừng, chống lại các hiệp sĩ thuộc dòng tu Thánh chiến, mà thực chất là chống lại Đế quốc Phổ, kẻ thù truyền kiếp của dân tộc Ba Lan.

Trong thời kỳ “hồi xuân” gần cuối đời, sau khoảng mươi năm bệnh tật liên miên, H. Sienkiewicz cho ra đời cuốn tiểu thuyết du ký rất xuất sắc dành cho bạn đọc trẻ tuổi *Trên sa mạc và trong rừng thẳm* (1910–1913) và tiểu thuyết lịch sử *Những đội quân lê dương* (1913–1914) mà cái chết không cho phép ông hoàn thành.

Henryk Sienkiewicz mất tại Vevey (Thụy Sĩ) ngày 15/11/1916, thọ bảy mươi tuổi.

Trong ngót nửa thế kỷ sáng tạo, H. Sienkiewicz đã để lại cho nhân loại một di sản văn học đồ sộ và vô giá. Ngay từ thuở sinh thời của văn hào, đã từng có nhiều người cố gắng thu thập và xuất bản toàn bộ tác phẩm của ông, đáng chú ý nhất là công trình của nhà xuất bản Gebethner i Wolff, trong những năm 1880–1939 đã xuất bản bốn mươi sáu tập tác phẩm chọn lọc của Sienkiewicz. Trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, bè lũ Hitler ra lệnh cấm lưu hành những tác phẩm sục sôi lòng yêu nước của Sienkiewicz, chúng ra sức tịch thu và đốt các tác phẩm của ông, song nhân dân Ba Lan vẫn nâng niu, gìn giữ, chuyền tay nhau đọc, dù rằng không ít người vì thế đã bị kết án tử hình hoặc bị đưa vào trại tập trung.

Chỉ dưới chính thể Cộng hòa Nhân dân Ba Lan, Sienkiewicz mới thật sự trở thành nhà văn của dân tộc, của quang đại quân chúng, tác phẩm của ông mới được đánh giá đúng tầm cỡ. Ngay trong mùa xuân năm 1945 còn vương khói đạn, ngay trong cảnh đất nước bị tàn phá đến mức hủy diệt, trong những điều kiện cực kỳ khó khăn thiếu thốn sau chiến tranh, tiểu thuyết *Hiệp sĩ Thánh chiến* của Sienkiewicz vẫn được tái bản, và đó là tác phẩm văn học cổ điển đầu tiên được xuất bản trong lòng nước Ba Lan mới.

Chỉ vài năm sau chiến tranh, Đảng và Chính phủ Ba Lan đã quyết định cho xuất bản toàn bộ tác phẩm của văn hào. Dựa trên các bản thảo và những bản in lần đầu may mắn được cứu thoát khỏi sự đốt phá của bè lũ phát xít, lần đầu tiên toàn bộ tác phẩm của H. Sienkiewicz gồm sáu mươi tập được chỉnh lý và xuất bản trong khoảng thời gian 1949–1954 dưới sự chủ trì của giáo sư Julian Krzyżanowski. Bốn tập cuối của bộ sách này là công trình nghiên cứu khoa học tổng hợp về cuộc đời và sáng tác của nhà văn. Căn cứ theo bộ sách này, hàng loạt tác phẩm riêng lẻ của nhà văn lần lượt được tái bản có hệ thống với nhịp độ nhanh và số lượng bản in rất lớn. Thống kê độc giả tại Ba Lan qua nhiều năm cho thấy rằng sách của H. Sienkiewicz được nhiều người đọc nhất và được yêu chuộng nhất.

*

Tác phẩm nổi tiếng *Quo vadis*¹ được viết trong thời kỳ sung sức nhất của H. Sienkiewicz. Ý đồ sáng tác xuất hiện vào mùa xuân năm 1893, khi nhà văn tới thăm Roma lần thứ hai. Như nhà văn đã viết trong bức thư gửi nhà khảo cổ học kiêm nhà phê bình văn học người Pháp Boyer d'Argens vào năm 1912: "Ý định sáng tác *Quo vadis* nảy sinh trong tôi khi đọc các tập *Niên ký* của Tacitus, một trong những nhà văn tôi yêu thích nhất, trong chuyến lưu trú dài ngày tại Roma. Họa sĩ nổi tiếng Siemiradzki đang sống tại Roma hồi ấy là người hướng dẫn tôi đi tham quan cái thành đô vĩnh hằng này, và trong một cuộc dạo chơi như thế, anh ấy đã chỉ cho tôi ngôi nhà thờ nhỏ mang tên Quo Vadis². Chính lúc ấy, tôi đã nảy ra ý định viết một tiểu thuyết về thời kỳ lịch sử đó." Trong suốt hai năm 1893–1894, tác giả đã tiến hành những công cuộc chuẩn bị, khảo cứu rất công phu, để xây dựng nền móng cho tác phẩm, đồng thời đã vài lần thử nghiệm chủ đề này trong một số phác thảo khác nhau. *Quo vadis*

1. Tên tác phẩm để nguyên theo mẫu tự Latin. Đọc là "Quo Vadis" và có nghĩa "Người đi đâu". (Các chú thích không ghi chú gì thêm là của người dịch.)

2. Tựa đề của tác phẩm lấy theo tên nhà thờ nhỏ này và bắt nguồn từ một truyền thuyết của đạo Thiên chúa. Tương truyền rằng khi Nero ra lệnh truy nã và khủng bố các tín đồ Thiên chúa, Sứ Đồ Peter phải rời khỏi Roma để lánh nạn. Trên đường đi, Peter thấy Đức Chúa Jesus Christ hiển hiện, bèn hỏi: "Quo vadis, Domine?" (Latin: Người đi đâu vậy, thưa Đức Chúa?). Chúa đáp: "Khi ngươi rời bỏ dân ta thì ta phải đến Roma để chịu đóng đinh câu rút lần thứ hai." Sứ Đồ Peter tinh ngộ, quay trở về Roma, rồi tử vì đạo cùng các con chiên.

được chính thức bắt đầu viết từ mùa xuân năm 1895 tại Warsaw, và được hoàn thành ngày 18/2/1896 tại Nice. Vừa viết, Sienkiewicz vừa cho đăng tải *Quo vadis* trên tờ *Báo Ba Lan* ở Warsaw và hai tờ báo khác tại Poznań và Krakow. Vài tháng sau, tác phẩm được nhà xuất bản Gebethner i Wolff in thành sách (ba tập).

Thời trị vì của Nero bạo chúa và việc khủng bố các tín đồ Thiên chúa giáo hồi ấy đã từng là đề tài của nhiều tác phẩm của các nhà văn trước Sienkiewicz, song *Quo vadis* vượt xa các tác phẩm ấy về giá trị tư tưởng và nghệ thuật. *Quo vadis* là bức tranh toàn cảnh xã hội La Mã vào năm 64 Công nguyên, với những mâu thuẫn chính trị xã hội và tôn giáo đã căng thẳng tới tột đỉnh, chỉ chực bùng nổ.

Mặc dù ở lần xuất bản đầu tiên, *Quo vadis* có mang thêm phụ đề nhỏ "Tiểu thuyết về thời Nero", nhưng thực ra Sienkiewicz không có ý định dựng một "tiểu thuyết lịch sử" theo nghĩa đầy đủ của từ này. Tác giả chỉ giới hạn trong việc vẽ nên một bức tranh chi tiết và vô cùng sinh động của xã hội La Mã tại thành đô Roma. Trong vô vàn các sự kiện lịch sử của thời kỳ đó, tác giả chỉ tập trung chủ yếu vào hai vấn đề: vụ đốt cháy thành Roma và cuộc khủng bố các tín đồ Thiên chúa giáo, các sự kiện khác chỉ được nêu ngắn gọn hoặc nói lướt qua làm nền. Chính sự thu gọn chủ đề và bình diện các sự kiện lịch sử ấy đã cho phép tác giả làm nổi bật lên sự đối đầu giữa hai thế giới: một bên là thế giới cung đình bạo chúa đa thần giáo của triều thần La Mã vây quanh Nero, tên bạo chúa đang ở đỉnh cao nhất của quyền lực, xa hoa và tội lỗi, nhưng đã thối nát cực độ và đang suy vong; còn một bên là thế giới của nô lệ và dân nghèo theo đạo Thiên chúa, tập trung chung quanh hai vị Sứ Đồ Peter và Paul, cái thế giới hồi ấy không chút quyền lực, nhỏ nhặt và yếu ớt, nhưng đầy hấp dẫn bởi tư tưởng mới và không cam chịu khuất phục bạo lực, đang lớn dần lên, chiếm lĩnh vũ đài xã hội – chính trị. Tượng trưng cho điểm đỉnh của sự đối đầu này là cuộc đọ nhẫn quang tình cờ giữa Nero và Sứ Đồ Peter khi Hoàng đế cùng đám quần thần rời bỏ Roma, cái thành phố đã bị Nero thảm kết án tử hình. "*Trong chớp mắt hai con người ấy nhìn nhau (...) đó là giây phút đọ nhẫn quang của hai vị chúa tể trái đất, một kẻ ngay sau đó sẽ biến đi như một giấc mơ đẫm máu, còn người kia – chính cụ già mặc chiếc áo thô kệch nọ – sẽ chiếm lĩnh đến muôn đời sau cả thế gian lẫn cái thành đô này*" (chương XXXVI).

Cuộc đổi đầu thầm lặng không trận tuyến đó, theo từng trang sách cứ lớn mãi lên, mở rộng mãi ra, dâng cao mãi lên, cuốn hút toàn xã hội vào vòng xoáy lịch sử mãnh liệt của nó, cả những người ý thức được lẩn những kẻ không nhận thức được nó, những người tham gia thúc đẩy nó lẩn những kẻ cố tình tránh xa. Cuộc đổi đầu đó được tác giả đan quyền một cách tài tình với câu chuyện tình đầy éo le ngang trái giữa chàng quý tộc trẻ tuổi Vinicius, một võ quan cao cấp, một cận thần của Nero, với nàng Lygia, công chúa của bộ tộc Lugii (tiền thân của dân tộc Ba Lan) bị La Mã giữ làm con tin và là một tín đồ Thiên chúa. Tình yêu ấy tiến triển trong sự phát triển của những mâu thuẫn xã hội, số phận đôi trẻ gắn liền với những biến động ghê gớm của xã hội. Chính sự đan quyền và nghệ thuật dân truyện đó khiến cho tác phẩm mang nhiều màu sắc và vô cùng hấp dẫn.

Dưới ngòi bút tinh tế và khoáng đạt của H. Sienkiewicz, từng nhân vật hiện lên sắc nét với cả chiều sâu tâm lý, tính cách, với tất cả những mâu thuẫn nội tâm phức tạp, những mối quan hệ xã hội dằng dặc, những đột biến đến độ nghịch lý mà hoàn toàn hợp lý, nảy sinh trong quá trình vận động phát triển.

Nero, bạo chúa – nghệ sĩ toàn năng, ba mươi tuổi, xuất hiện trên những trang sách của *Quo vadis* trong cái năm 64 đầy biến động, dẫu đã mang nặng trong thâm tâm những bóng ma đẫm máu của mẹ, của vợ, của bao nhiêu người khác bị ý giết hại, dẫu sống trong nỗi lo sợ triền miên về quyền lực, nhưng vẫn là một nghệ sĩ đang tranh trở với những day dứt của quá trình lao động nghệ thuật. Với ảo vọng viết thiên trường ca về sự triệt phá thành Troy, bản trường ca sẽ làm lu mờ ánh vinh quang của *Iliad* và *Odyssey* của Homer, ý nhất thiết phải được nhìn thấy ánh lửa của một thành phố lớn đang bốc cháy. Và thế là để làm hài lòng bạo chúa, lũ triều thần xú nịnh do Tigellinus cầm đầu đã đang tâm châm lửa thiêu cháy thành Roma. Vốn hèn nhát, Nero không dám chịu trách nhiệm bởi kinh sợ cuộc nổi dậy của quần chúng đang sục sôi căm giận, hắn bèn tìm cách trút tội cho các tín đồ Thiên chúa giáo. Hắn tháo cùi sổ lồng cho sự tàn bạo của đám quần chúng đang đòi nợ máu được thả sức hành hạ trong cuộc khủng bố, với tiếng thét “ném bọn Thiên chúa giáo cho sư tử”, với cảnh tàn sát hàng loạt người bằng nanh vuốt của dã thú, bằng cách đóng đinh lên thánh giá, bằng cách

thiêu sống... Tàn bạo bao nhiêu thì đớn hèn bấy nhiêu – đó là cốt cách muôn thuở của lũ bạo chúa. Nero tàn bạo trước cái chết của hàng nghìn người khác, nhưng đến lượt hắn, hắn run rẩy không sao đâm nổi dao vào cổ tự sát, để rốt cuộc phải nhận một cái chết nhục nhã mà lịch sử vẫn dành cho lũ bạo chúa, xưa cũng như nay.

Sienkiewicz đã thành công tuyệt diệu khi sử dụng nhân vật Petronius – cố vấn của Nero về các vấn đề nghệ thuật – làm người phát ngôn cho tư tưởng của tác giả và người cung cấp cho người đọc những nhận xét xác đáng về tên bạo chúa – nghệ sĩ có bản chất phức tạp này. Qua con mắt của con người nghệ thuật đặc biệt trang nhã và quảng trí này, toàn bộ cốt cách vừa bi vừa hài, vừa hèn vừa bạo của tên nghệ sĩ giả – bạo chúa thật Nero hiện lên sắc sảo vô cùng. Một chút tài năng cỏn con nhưng luôn tự huyễn hoặc chính mình, cộng với một quyền lực vô biên về phương diện xã hội đã biến hắn thành một kẻ điên rồ, sẵn sàng phạm những tội ác ghê gớm nhất. Còn gì có thể lột tả chân xác hơn tính cách của Nero bằng lời tâm sự của chính hắn thốt ra với Petronius trong cái “đêm cởi mở” trước ngày đốt cháy thành Roma: “*Trong mọi lĩnh vực ta đều là nghệ sĩ (...) nên ta không thể nào lại sống một cuộc đời bình thường. Âm nhạc mách ta hay rằng có tồn tại sự phi thường, ta sẽ dùng toàn bộ sức mạnh quyền uy mà các thần linh đặt vào tay ta để tìm cho bằng được sự phi thường ấy. Nhiều khi ta nghĩ rằng muốn đạt tới những thế giới phi phàm¹ ấy, cần phải thực hiện một điều gì chưa từng có kẻ nào thực hiện được, cần phải vượt qua đầu mọi người trong việc tốt hoặc điều xấu (...) Ta đâu có điên, ta chỉ đang tìm kiếm! (...) Ta muốn vĩ đại hơn con người, bởi vì chỉ bằng cách đó ta mới có thể trở thành nghệ sĩ vĩ đại nhất.*” Và sau đó, hắn thốt lên: “*Nặng nề lắm thay khi con người phải mang đồng thời cả gánh nặng của quyền lực tối cao lẫn gánh nặng của tài năng vĩ đại nhất*” (chương XLI).

Có thể nói nhân vật Petronius là hiện thân của những tinh hoa của nền văn hóa La Mã trong giai đoạn suy vi của nó, ông đại diện cho những giá trị văn hóa sẽ trường tồn để được hồi sinh trong những thế hệ về sau. Tính phi thường của Petronius xuất phát từ trí tuệ mẫn tiệp vượt trên những người đồng thời với ông, sự hiểu

1. Nguyên văn: thế giới mới Olympus – tức thế giới các thần.

biết sâu sắc không những chỉ đối với mọi người mọi vật mà trước hết đối với bản thân mình, mặc dù thực ra ông đại diện cho một thứ triết học duy vật – bất khả tri trong việc nhận thức thế giới. Sống trong lớp vỏ bình thản thanh tịnh theo kiểu Pyrrho, nhưng Petronius vẫn là con người hành động, và nhất là dũng cảm trong việc bảo vệ cái đẹp. Cái chết hào hoa của ông giữa tiệc rượu, trong tiếng nhạc và tiếng thơ Anacreon, là một hình ảnh tượng trưng tuyệt mỹ. “*Nhin hai tấm thân trắng ngà tựa những pho tượng tuyệt vời ấy, các thực khách đều hiểu rõ rằng, cùng với hai con người kia đã chết đi những gì còn sót lại cho thế giới của họ, đó là thi ca và cái đẹp*” (chương LXXIV).

Hai nhân vật có tính cách phát triển mạnh mẽ nhất trong tác phẩm là lão Chilo và chàng quý tộc Vinicius. Vốn là một tên múa mép chuyên lừa đảo kiếm tiền bằng nghề thám tử tư, Chilo đã đứng ra làm nhân chứng giả cho Nero trút tội đốt cháy thành Roma cho các tín đồ Thiên chúa giáo, và vì thế lão đã nhảy lên địa vị của một viên cận thần đầy thế lực; nhưng đến khi tận mắt chứng kiến sự tuẫn tiết của các tín đồ – những nạn nhân của lão, cũng chính là những người đã từng cứu mang lão – Chilo đã không cưỡng nổi những sự tỉnh thức nội tâm và công khai đứng ra lên án Nero là kẻ chủ mưu đốt cháy thành phố. Trở thành tín đồ Thiên chúa chân chính, đến khi chịu cực hình, lão Chilo vẫn khăng khăng không chịu rút lời buộc tội, đến nỗi kẻ thù phải rút lưỡi lão và giết lão trên đấu trường. Sự chuyển biến của nhân vật có vẻ nghịch lý nhưng hoàn toàn logic và chân thực, nhân vật Chilo đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên.

Còn sự biến chuyển của Vinicius thì phức tạp và gian khổ hơn nhiều, trải qua biết bao giai đoạn nhận thức, dù động lực chính của nó là tình yêu vô bờ bến đối với nàng Lygia. Từ một chàng quý tộc con nhà nòi giàu có, ham lạc thú, vô lương tâm, nghiệt ngã với nô lệ, Vinicius đã lột xác bao lần để nhận thức được giáo thuyết của đạo Thiên chúa, một giáo thuyết hoàn toàn xa lạ với môi trường sống và địa vị xã hội cùng bản chất của chàng. Sienkiewicz đã thành công trong việc diễn tả cuộc lột xác tinh thần đó.

Ngay cả những nhân vật phụ cũng hiện lên rõ nét với bề dày tâm lý – xã hội đầy đủ dưới ngòi bút trác việt của tác giả. Những trang miêu tả cảnh sinh hoạt, những đàm rước, những tiệc rượu,

cảnh tàn sát giáo dân... vô cùng sống động, chân thực, giàu màu sắc mà không chút khoa trương, mang đến cho người đọc không khí của xã hội La Mã hồi đầu Công nguyên.

*

Với những giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật lớn lao, ngay từ khi ra đời, *Quo vadis* đã được hoan nghênh nhiệt liệt. Tác phẩm đã gây nên những chấn động mạnh trong giới văn học nghệ thuật thế giới. *Quo vadis* nhanh chóng được dịch ra nhiều thứ tiếng. Từ lúc sinh thời, tác giả đã nhận được bản dịch *Quo vadis* bằng các tiếng: Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Italia, Nga, Thụy Điển, Đan Mạch, Hà Lan, Tiệp Khắc, Hungary, Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Armenia, Phần Lan, Litva, Nhật và Ả Rập. Cho đến nay, *Quo vadis* đã được dịch ra trên bốn mươi thứ tiếng khác nhau. Tác phẩm cũng rất nhiều lần được đưa lên sân khấu và màn ảnh ngay từ những năm xa xưa nhất, đồng thời nó cũng trở thành đề tài của không ít công trình khảo cứu, không những chỉ ở Ba Lan mà trên phạm vi thế giới.

Chuyển đạt lời văn của H. Sienkiewicz đến bạn đọc là một khó khăn lớn đối với người dịch, đặc biệt trong trường hợp *Quo vadis*, bởi lẽ tiểu thuyết đề cập đến một thời đại, một nền văn hóa xa xưa có nhiều cách biệt với bạn đọc Việt Nam ngày nay. Để phần nào hỗ trợ cho bạn đọc trong việc tìm hiểu tác phẩm, chúng tôi có soạn thêm phần chú thích (cuối sách) đề cập đến một số tên người và địa danh có trong tác phẩm nhưng không phổ biến lắm ở ta. Chúng tôi hy vọng rằng, mặc dù có những khiếm khuyết và hạn chế khó tránh khỏi, bản dịch *Quo vadis* từ nguyên bản tiếng Ba Lan sẽ là một dịp để bạn đọc tiếp xúc với Henryk Sienkiewicz, một nhà văn kiệt xuất, người đại diện xứng đáng cho nền văn học cổ điển rất phong phú của dân tộc Ba Lan.

Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 1985

NGUYỄN HỮU DŨNG

CHƯƠNG I

P etronius thức giấc vào lúc gần giữa trưa và như thường lệ, mệt mỏi vô cùng. Hôm qua, ông dự yến tiệc ở nhà Nero¹, bữa tiệc kéo dài mãi tận khuya. Từ một lúc nào đấy, sức khỏe của ông bắt đầu suy sụp. Chính ông bảo rằng, buổi sáng khi tỉnh giấc, ông cảm thấy như bị liệt cả người và không sao tập trung tư tưởng nổi. Song việc tắm sáng cùng xoa bóp kỹ lưỡng toàn thân do các nô lệ thành thạo công việc này làm đã thúc nhanh dần sự tuần hoàn dòng máu biếng nhác của ông, đánh thức cơ thể ông, khiến nó hồi tỉnh lại, trả lại cho ông sức lực, và đến khi bước ra khỏi gian cuối cùng của phòng tắm – *elaeothesium* – thì trông ông dường như vừa được hồi sinh, với cặp mắt long lanh ánh hài hước và niềm vui, trẻ hẳn lại, tràn trề sinh lực, trang nhã khó ai bì, ngay đến cả chàng Otho cũng không thể sánh cùng ông, quả đúng như cái tên người ta vẫn gọi ông: *arbiter elegantiarum*².

Hiếm khi ông lui tới các nhà tắm công cộng, trừ phi có nhà hùng biện nào đó gây nên sự kinh ngạc và được người ta đồn đại khắp thành phố, hoặc có những cuộc đấu đặc biệt hấp dẫn trong các trường thiếu sinh quân. Vả chăng, trong khu dinh thự của ông cũng có các phòng tắm riêng được chính Celer – người cộng sự nổi tiếng của Severus – mở rộng, xây thêm và bài trí tuyệt vời, đến nỗi chính Nero cũng phải thừa nhận là chúng hơn hẳn các phòng tắm

1. Trong nguyên bản có chỗ viết là Neron, có chỗ viết Nero. Ở đây để thống nhất, chúng tôi đề là Nero để người đọc tiện theo dõi.

2. Người đánh giá khách quan các chuyện hào hoa phong nhã (Latin).

của Hoàng đế¹, dấu các phòng tắm của Hoàng đế rộng hơn và xa hoa khôn sánh.

Vậy là, sau bữa yến đêm qua – trong đó, quá ngán ngẩm với những trò hề của Vatinius, ông đã cùng với Nero, Lucan và Seneca tham dự cuộc phiếm luận: đàn bà có linh hồn hay không? – ông dậy muộn và đi tắm như thường lệ. Hai tên nô lệ chuyên phục vụ việc tắm, người lực lưỡng, đặt ông lên chiếc bàn bằng gỗ trắc bá phủ lụa Ai Cập trắng như tuyết, rồi nhúng tay vào dầu thơm, bắt đầu xoa khắp thân hình có những đường nét rất đẹp đẽ của ông, còn ông nằm nhắm mắt chờ cho sức nóng của dầu *laconicum* cùng hơi ấm bàn tay chúng thẩm vào người xua đi sự mệt mỏi.

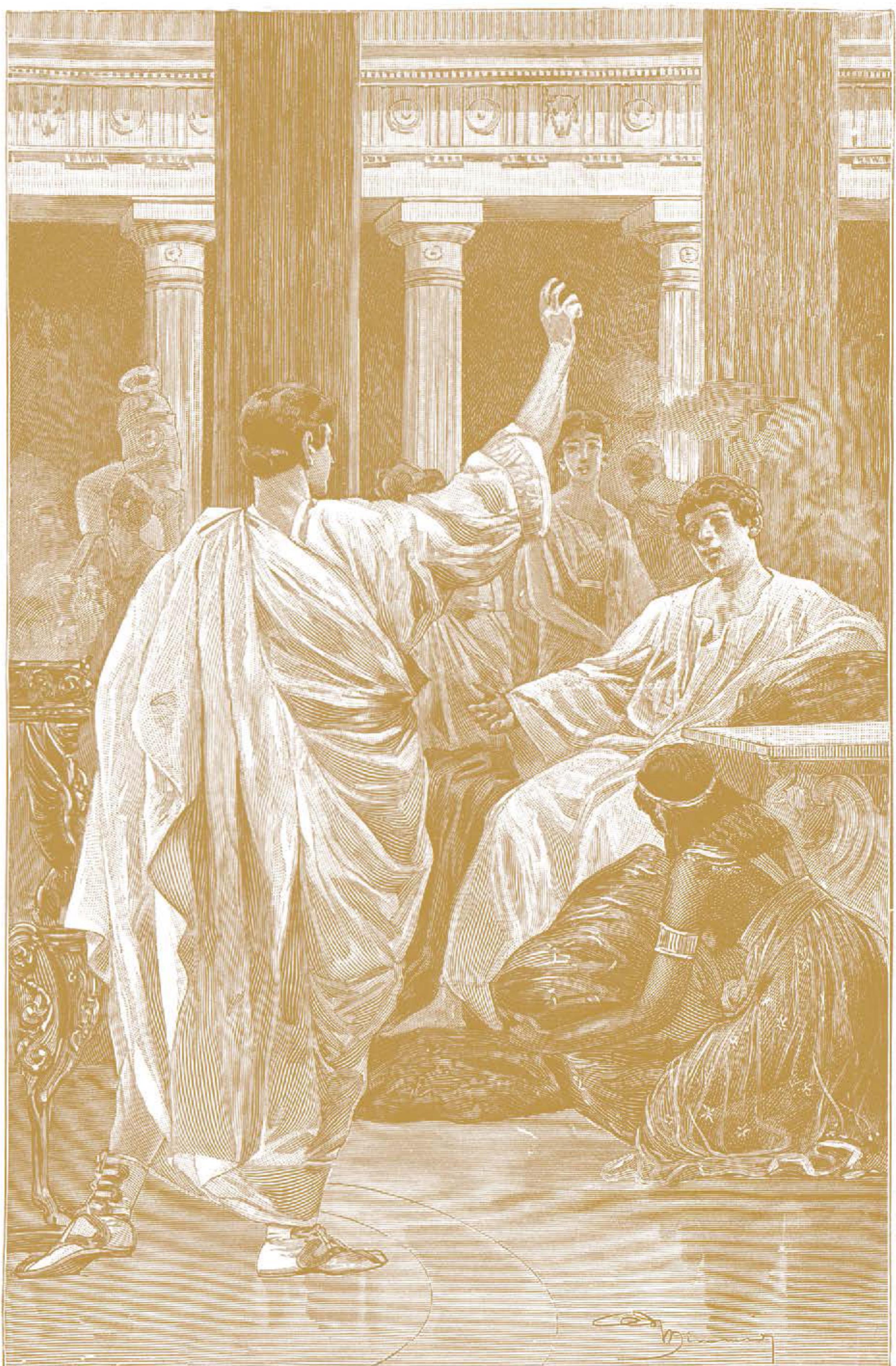
Một lát sau ông cất tiếng và mở mắt ra; ông bắt đầu hỏi han về thời tiết, sau đó về mấy viên ngọc chạm mà lão thợ kim hoàn Idomeneus đã hứa là hôm nay sẽ gửi tới cho ông xem... Thì ra, trời rất đẹp với gió nhẹ từ núi Alban thổi tới, còn số ngọc chạm thì vẫn chưa được mang đến. Petronius nhắm mắt lại và ra lệnh chuyển ông sang phòng ấm², vừa lúc đó, từ sau bức trướng che, viên xướng danh ló vào báo tin chàng Marcus Vinicius trẻ tuổi vừa từ Tiểu Á trở về xin vào thăm ông.

Petronius truyền cho mời khách vào phòng ấm, rồi tự mình bước sang đó. Vinicius là con trai của chị ông, người mà nhiều năm về trước đã kết hôn cùng Marcus Vinicius³, cựu chấp chính quan từ thời Tiberius. Hiện giờ chàng đang phục vụ dưới trướng tướng quân Corbulo chống lại quân Parthia, và chàng vừa trở về thành phố sau khi chiến tranh kết thúc. Đối với chàng, bên cạnh tình thân gắn bó, Petronius vốn có một sự mềm yếu, vì Marcus là một trang thanh niên xinh đẹp và lực lưỡng, đồng thời trong sự hư đốn của mình chàng vẫn giữ được một mức độ mỹ miều nhất định, điều mà ông Petronius đánh giá cao hơn cả.

1. Nguyên văn: Caesar, danh xưng của các Hoàng đế La Mã sau thời Julius Caesar (Đ.A).

2. Trong các nhà quý tộc ở Cố La Mã thường có cả một hệ thống liên hoàn các buồng khác nhau nằm trong hệ thống phòng tắm (phòng tắm hơi nóng, phòng xoa bóp, phòng ấm, phòng mát, phòng lạnh, phòng xức dầu thơm, phòng mặc quần áo và trang điểm...). Trong nguyên bản, tên gọi những phòng này đều bằng tiếng Latin, cũng như tên gọi các loại nô lệ được sử dụng vào riêng từng việc một.

3. Ở đây là Marcus Vinicius Cha (Đ.A).



Minh họa của Adriano Minardi.

"Xin kính chúc sức khỏe cậu Petronius," chàng trai vừa nói vừa bước những bước mềm mại vào phòng ấm.

– Xin kính chúc sức khỏe cậu Petronius. – Chàng trai vừa nói vừa bước những bước mềm mại vào phòng ấm. – Cầu tất cả các thần linh ban phước lành cho cậu, nhất là Asklepios và Kypris, vì dưới sự che chở của hai vị thần đó thì không thể có sự rủi ro nào xảy đến với cậu.

– Chào mừng anh tại Roma, cầu cho anh được hưởng sự nghỉ ngơi dịu ngọt sau buổi chiến chinh. – Petronius vừa đáp vừa luồn tay ra từ giữa những nếp gấp của thứ vải *karbas* mềm mại mà ông quấn quanh người. – Thế ở Armenia có chuyện gì mới không? Lúc tiêu dao ở châu Á anh có ghé thăm Bithynia chứ?

Hồi trước, Petronius là tổng đốc Bithynia, ông đã cai trị xứ ấy một cách mềm dẻo và công minh. Điều đó mâu thuẫn một cách kỳ lạ với tính cách của con người vốn nổi tiếng là ảo lả và đam mê lạc thú này. Vì vậy, ông thường thích nhắc đến thời kỳ ấy, nó là bằng chứng chứng tỏ ông có thể làm được gì và biết làm gì nếu như ông muốn.

– Cháu đã có dịp tới Heraklea. – Vinicius đáp. – Ngài Corbulo phải cháu đến đây với lệnh đòi viện binh.

– Ôi! Heraklea! Ở xứ đó cậu có quen một thiếu nữ quê ở Colchis, vì nàng cậu săn sàng hiến dâng tất cả các ả lỵ dị chồng ở đây, kể cả Poppaea nữa! Song đó là chuyện xưa rồi. Tốt nhất, anh hãy nói xem có chuyện gì mới mẻ ở vùng biên giới với bọn Parthia hay không? Quả tình cậu cũng đã quá ngán cả cái xứ Vologesias, cả Tiridates và Tigranes, lẫn cái lũ man rợ, mà cứ như anh chàng Arulenus khẳng định, thì tại gia chúng vẫn chuyên môn bò bốn chi, chỉ trước mặt chúng ta chúng mới làm ra vẻ con người mà thôi. Song bây giờ ở Roma người ta lại hay nói nhiều tới chúng, có lẽ vì nói về chuyện gì khác thì không được an toàn.

– Cuộc chiến tranh này đang ở tình thế tồi tệ, và giá như không có ngài Corbulo thì rất có thể nó đã biến thành một cuộc thảm bại.

– Corbulo! Thế có Bacchus! Đó quả là một chiến thần, một thần Mars hiển hiện, một thủ lĩnh vĩ đại, vừa cuồng nhiệt, vừa chính trực, vừa ngu xuẩn. Cậu thích ông ta, ít nhất thì cũng là vì Nero sợ ông ta.

– Ngài Corbulo đâu phải là kẻ ngu xuẩn.

– Có thể là anh có lý, song thực ra chuyện đó cũng chẳng có ý nghĩa gì. Sự ngu xuẩn, nói như Pyrrho, hoàn toàn không tồi tệ hơn và cũng chẳng khác gì sự thông thái.